

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **251/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/4/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam.
2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1342/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ Ch**, sinh năm 1984 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: F12/2P Quách Điều, ấp 6A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Mai Văn T**, sinh năm 1982 – Vắng mặt.

Địa chỉ: F4/1 tổ 6, ấp 6B, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 25/11/2020, bản tự khai ngày 23/12/2020, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/5/2021 và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 19/5/2021, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ Ch trình bày:

Bà Ch và ông Mai Văn T chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đ, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2008, quyền số 13. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù bà Ch đã cố gắng hàn gắn và nhiều lần cho ông T cơ hội sửa đổi tính tình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà Ch và ông T không quan hệ vợ chồng từ ngày

02/12/2019 và đã sống ly thân từ ngày 02/01/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Trương Thị Mỹ Ch yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn T.

Về con chung: Bà Ch và ông T chung sống có 01 con chung tên là Mai Hoàng K (nữ), sinh ngày 23/5/2008. Khi nộp đơn ly hôn, bà Ch yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tuy nhiên, nay bà Ch thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng như sau: Bà Ch không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con do bà Ch có khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

1/ Bị đơn ông Mai Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

+ Về Tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ Ch đối với ông Mai Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Thị Mỹ Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn T. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 04/01/2021 do Công an xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp như sau: Ông Mai Văn T đang tạm trú tại địa chỉ: F4/1 tổ 6, ấp 6B, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Văn T.

+ Bà Trương Thị Mỹ Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Mỹ Ch.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2008, quyển số 13 do Ủy ban nhân dân xã Đại Đ, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/3/2008 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Mỹ Ch trình bày: Bà và ông Mai Văn T chung sống với nhau năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đ, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù bà Ch đã cố gắng hàn gắn và nhiều lần cho ông T cơ hội sửa đổi tính tình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Trương Thị Mỹ Ch yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn T.

Hiện nay, bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã không quan hệ vợ chồng từ ngày 02/12/2019 và đã sống ly thân từ ngày 02/01/2020 cho đến nay. Mục đích hôn nhân giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T đã không còn, bà Trương Thị Mỹ Ch không muốn chung sống với ông Mai Văn T nữa.

Căn cứ vào Công văn số 6059/UBND ngày 30/12/2020 (Công văn đến số 215/CVĐ ngày 18/01/2021) của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Trương Thị Mỹ Ch tại ấp 6A, xã Vĩnh Lộc A có kết quả như sau: *“Hiện tại giữa bà Trương Thị Mỹ Ch với ông Mai Văn T không còn chung sống với nhau và đã ly thân vào tháng 01 năm 2020. Hiện ông T đang ở tại địa chỉ: F4/1 ấp 6B xã Vĩnh L, huyện Bình C. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T có mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân”*.

Ông Mai Văn T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản thể hiện yêu cầu của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông Mai Văn T cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Trương Thị Mỹ Ch. Như vậy, ông Mai Văn T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Mai Văn T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Trương Thị Mỹ Ch yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Mỹ Ch đối với ông Mai Văn T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Trương Thị Mỹ Ch thì: Quá trình chung sống giữa bà Ch và ông T có 01 con chung tên là Mai Hoàng K (nữ), sinh ngày 23/5/2008. Khi ly hôn, bà Ch yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì trẻ đã sống cùng với bà Ch từ nhỏ, kể cả trong thời gian bà Ch và ông T sống ly thân.

Căn cứ Công văn số 6059/UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Trương Thị Mỹ Ch thì kết quả như sau: *“Về con chung, cả hai có một đứa con chung là bé Mai*

Hoàng K, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2008. Hiện bé Kim đang ở cùng với bà Trương Thị Mỹ Ch, ngụ tại F12/2P ấp 6A, xã Vĩnh L, huyện Bình C”.

Mặt khác, căn cứ bản tự khai ngày 23/12/2020 của trẻ Mai Hoàng K (nữ), sinh ngày 23/5/2008 (với sự chứng kiến của mẹ trẻ là bà Trương Thị Mỹ Ch) thì trẻ K hiện nay đang sống với mẹ và trẻ có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trương Thị Mỹ Ch.

Tại phiên tòa ông Mai Văn T vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Xét thấy nguyện vọng của bà Trương Thị Mỹ Ch về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho trẻ vì bà Trương Thị Mỹ Ch là mẹ lại gần gũi và chăm sóc con từ nhỏ nên bà Trương Thị Mỹ Ch có đầy đủ điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Mai Văn T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ Ch về con chung: Giao trẻ Mai Hoàng K (nữ), sinh ngày 23/5/2008 cho bà Trương Thị Mỹ Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Mỹ Ch về việc không yêu cầu ông Mai Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ Ch xác định bà và ông Mai Văn T chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Mai Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trương Thị Mỹ Ch phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Mỹ Ch đối với ông Mai Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2008, quyển số 13 do Ủy ban nhân dân xã Đại Đ, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/3/2008 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên là Mai Hoàng K (nữ), sinh ngày 23/5/2008 cho bà Trương Thị Mỹ Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Mai Văn T do bà Trương Thị Mỹ Ch có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Mỹ Ch xác định bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T chung sống không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ Ch xác định bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ Ch phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080639 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị Mỹ Ch đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Mỹ Ch và ông Mai Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Đại Đ, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền